

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 008/HENGSAVN/2020

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH HENGSAVN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 238, Đường 3.1, Khu đô thị Gamuda Gardens, Phường Trần Phú, Q. Hoàng Mai, TP Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (+84) 243 540 1244

E-mail: import.hengsanvn@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0106761082

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 000187/2018/ATTP-CNĐK Ngày Cấp: 12/03/2018,

Nơi cấp: CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM- BỘ Y TẾ (đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định).

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: Nguyên liệu thực phẩm **BỘT TIÊU TRẮNG SANDRY® HSV PT2**

2. Thành phần: Bột tiêu sọ (tiêu trắng) 100%

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và Hạn sử dụng xem trên bao bì

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong bao bì kín bằng túi PE đối với sản phẩm 1 kg; 20kg đóng trong bao giấy nhiều lớp; hoặc 25kg đóng trong thùng giấy carton nhiều lớp. Bao bì đảm bảo vệ sinh an toàn trong thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.
- Quy cách đóng gói:

Tên sản phẩm	Mã sản phẩm	Quy cách bao gói
<b>BỘT TIÊU TRẮNG SANDRY®</b>	<b>HSV PT2</b>	1 kg/túi; 20kg/bao; 20kg/thùng carton hoặc 25 kg/thùng carton

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH HENGSAVN VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Tân Quang, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.



### III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

### IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2020

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Ký tên, đóng dấu)



**GIÁM ĐỐC**  
*Trịnh Trọng Tuấn*

### Nội dung ghi nhãn sản phẩm

**Sản phẩm:** Nguyên liệu thực phẩm **BỘT TIÊU TRẮNG SANDRY® HSV PT2**

**Thành phần:** Bột tiêu sọ (tiêu trắng) 100%

**Trọng lượng tịnh:**

**NSX:**

**HSD:**

**Hướng dẫn sử dụng:** Sử dụng trực tiếp trong chế biến thực phẩm

**Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản ở nhiệt độ thường, nơi thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp

**Thông tin cảnh báo:** Không dùng sản phẩm hết hạn sử dụng

**Hồ sơ công bố sản phẩm số:** 008/HENG SANVN/2020

**Sản xuất bởi:** **CÔNG TY TNHH HENG SAN VIỆT NAM**

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Tân Quang, Xã Tân Quang, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

**Nhà phân phối độc quyền tại Việt Nam:**

**CÔNG TY TNHH VẬT TƯ CÔNG NGHỆ PHẨM TTN**

HCM Office: No.302 Tòa nhà Thanh Thảo, No. 35 Chế Lan Viên, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

Tel: (+84-24) 3815 1582 - 0901 706 707

Hanoi Office: No.407, Tòa nhà Thanh Hà - CC2, Khu đô thị Bắc Linh Đàm, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội.

Tel: (+84-24) 3540 1844 - 0932 274 288

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2020

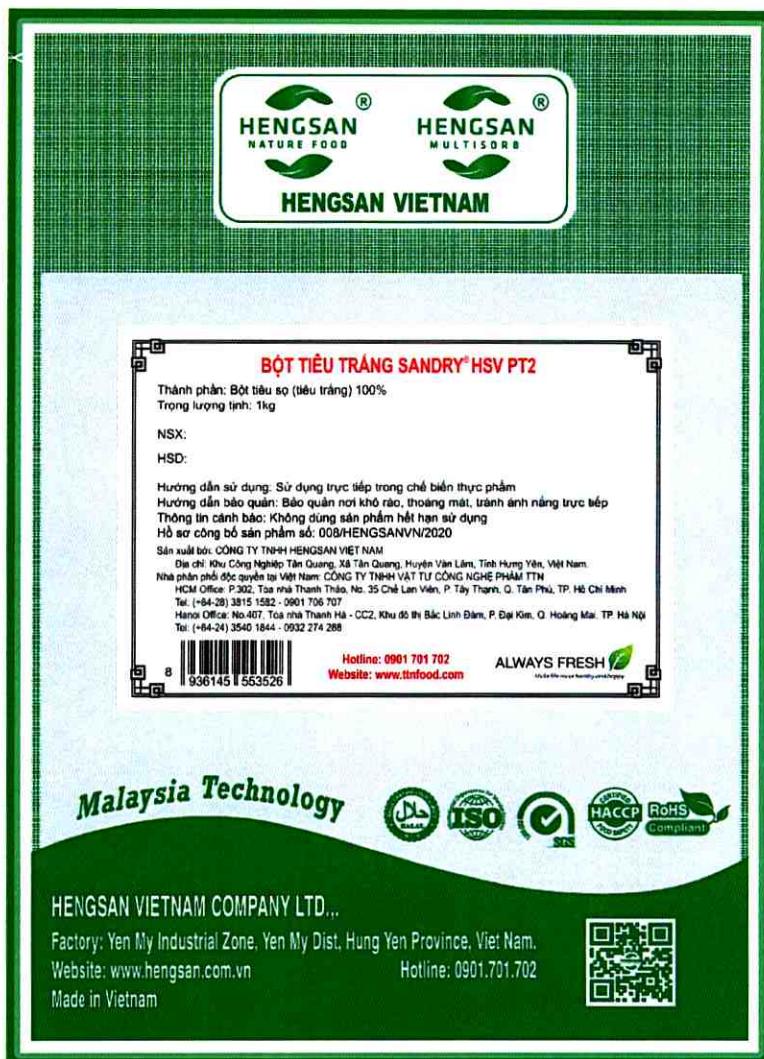
Đại diện



GIÁM ĐỐC  
*Trịnh Trọng Tuấn*

## Mẫu nhãn sản phẩm

### 1. Mẫu nhãn túi



## 2. Mẫu nhãn thùng carton



**HENGSA NATURE FOOD**   **HENGSA MULTIGRAIN**  
**HENGSA VIETNAM**

### BỘT TIÊU TRẮNG SANDRY® HSV PT2

Thành phần: Bột tiêu sọ (tiêu trắng) 100%

Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trực tiếp hoặc dùng làm gia vị trong chế biến thực phẩm

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp

Trọng lượng tịnh: 25kg / thùng

Hồ sơ công bố sản phẩm số: 008/HENGSAVN/2020



8 936145 553526

**Malaysia Technology**



HENGSA VIETNAM COMPANY LTD.,  
Factory: Yen My Industrial Zone, Yen My Dist, Hung Yen Province, Viet Nam.  
Website: [www.hengsan.com.vn](http://www.hengsan.com.vn)   Hotline: 0901.701.702  
Made in Vietnam





**HENGSA NATURE FOOD**   **HENGSA MULTIGRAIN**  
**HENGSA VIETNAM**

### BỘT TIÊU TRẮNG SANDRY® HSV PT2

Thành phần: Bột tiêu sọ (tiêu trắng) 100%

Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trực tiếp hoặc dùng làm gia vị trong chế biến thực phẩm

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp

Trọng lượng tịnh: 25kg / thùng (25 túi x 1kg)

Hồ sơ công bố sản phẩm số: 008/HENGSAVN/2020



8 936145 553526

**Malaysia Technology**



HENGSA VIETNAM COMPANY LTD.,  
Factory: Yen My Industrial Zone, Yen My Dist, Hung Yen Province, Viet Nam.  
Website: [www.hengsan.com.vn](http://www.hengsan.com.vn)   Hotline: 0901.701.702  
Made in Vietnam



HÀNG  
N  
M  
PHÂN

### 3. Mẫu thùng carton





Số: 8627/PKN-VKNQG

## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM TEST REPORT

Phiếu này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số: 7864/PKN-VKNQG ngày 23 tháng 4 năm 2020

1. Tên mẫu: Nguyên liệu thực phẩm: Bột tiêu trắng SanDry® HSV PT2
2. Mã số mẫu: 04202399/DV.4
3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong túi nilon ghép mí, thông tin mẫu đánh máy dán trên túi, 30 g/túi - Số lượng: 2  
NSX: 06/04/2020 - HSD: 06/04/2021; Không có mẫu lưu
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có
6. Ngày nhận mẫu: 16/04/2020
7. Thời gian thử nghiệm: 16/04/2020 - 23/04/2020
8. Nơi gửi mẫu: Công Ty TNHH HENG SAN Việt Nam  
Địa chỉ: Số 238 Đường 3.1, Khu đô thị Gamuda Gardens, P. Trần Phú  
Q. Hoàng Mai, Hà Nội
9. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	<i>Salmonella</i>	/25g	TCVN 10780-1:2017	KPH
9.2	<i>S. aureus</i>	CFU/g	Ref. TCVN 4830-1:2005	KPH (LOD: 10 CFU/g)
9.3*	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	TCVN 4884-1:2015	3,3 x 10 <sup>4</sup>
9.4*	Coliforms	CFU/g	TCVN 6848:2007	9,3 x 10 <sup>2</sup>
9.5*	<i>E. coli</i>	CFU/g	TCVN 7924-2:2008	KPH (LOD: 1 CFU/g)
9.6*	Tổng số nấm men, nấm mốc	CFU/g	TCVN 8275-2:2010	1,9 x 10 <sup>4</sup>
9.7	Hàm lượng Arsenic	mg/kg	NIFC.03.M.45 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,011 mg/kg)
9.8	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	NIFC.03.M.45 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004 mg/kg)
9.9	Hàm lượng Chì	mg/kg	NIFC.03.M.45 (ICP-MS)	< LOQ (LOQ: 0,025 mg/kg)
9.10	Hàm lượng Thủy ngân	mg/kg	NIFC.03.M.45 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,003 mg/kg)
9.11*	Hàm lượng Aflatoxin B1	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5 µg/kg)
9.12*	Hàm lượng Aflatoxin B1, B2, G1, G2	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5 µg/kg)
9.13*	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5 µg/kg)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử

Hà Nội, ngày 04 tháng 5 năm 2020

TU QU. VIỆN TRƯỞNG



**PHỤ TRÁCH KHOA  
ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG**

**TS. Lê Thị Phương Thảo**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm ATVSTPQG
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
4. Chỉ tiêu đánh dấu \* là chỉ tiêu được công nhận VILAS
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu theo mẫu quy định